



DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP LẦN 2

Học kỳ 2 - Năm học 2014 - 2015

Môn học: Quản trị sản xuất (208451)

Lớp: Quản trị kinh doanh Thủ Đức (TCHQTTD)

Số tín chỉ: 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	11222001	Lê Quang Đức							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11222002	Vương Thành An							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11222003	Phạm Bình An							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11222007	Nguyễn Thị Hạ							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11222012	Lê Ngọc Hân							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11222014	Mai Xuân Hải							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11222015	Đào Thị Hồng							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11222017	Nguyễn Hữu Hưng							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11222018	Nguyễn Hữu Huy							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11222019	Trần Thị Bích Huyền							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11222028	Trương Thị Liệu							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11222029	Trần Hoàng Ngọc Loan							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11222030	Lê Thị Phụng Loan							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11222032	Nguyễn Văn Ngô							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11222033	Nguyễn Võ Kim Ngân							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11222035	Trương Văn Nguyên							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11222040	Lê Duy Phương							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11222041	Trần Thị Trúc Phương							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP LẦN 2

Học kỳ 2 - Năm học 2014 - 2015

Môn học: Quản trị sản xuất (208451)

Lớp: Quản trị kinh doanh Thủ Đức (TC11QTDD)

Số tín chỉ: 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
19	11222042	Nguyễn Hồng Sơn							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11222044	Nguyễn Văn Tây							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11222050	Nguyễn Tấn Thanh							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11222052	Trần Ngọc Thuận							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11222053	Phan Văn Tượng							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11222056	Huỳnh Phan ánh Trang							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11222057	Phạm Minh Trọng							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11222058	Nguyễn Văn Trọng							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11222059	Vũ Quang Vỹ							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11222061	Đỗ Kim Phụng							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11223006	Đặng Hiếu Hiền							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11223010	Nguyễn Huỳnh Như Huyền							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11223011	Hồ Quốc Lâm							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11223015	Huỳnh Thị Ngọc							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11223018	Cao Thị Nhâm							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11223021	Võ Thị Hồng Thơ							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11223023	Nguyễn Thị Thanh Tề					5	5.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH CHI ĐIỂM THEO LỚP LẦN 2

Học kỳ 2 - Năm học 2014 - 2015

Môn học: Quản trị sản xuất (208451)

Lớp: Quản trị kinh doanh Thủ Đức (TC11QTTD)

Số tín chỉ: 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
36	11223027	Nguyễn Vĩnh Tuấn							○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Chung Dung

TS. Trần Đình Lý

Phạm Thị Lê Hằng